



CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

Tháng 01 năm 2026

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 06
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	07
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	08
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	09 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Bá Chính
Bà Trịnh Thanh Nhân
Bà Mạc Thị Nhung

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Mạc Thị Nhung

Tổng Giám đốc

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Doanh nghiệp trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Bá Chính

Chủ tịch hội đồng quản trị

Ông Phạm Bá Chính đã ủy quyền cho Bà Mạc Thị Nhung ký Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 theo Giấy ủy quyền số 01/2024-TTC/UQ ngày 01 tháng 10 năm 2024.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI

Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được ghi chép và lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Doanh nghiệp và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2025 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Số. 02/BCKT-UHYHP

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Tập đoàn Thành Thái** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày từ trang 05 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Hồng Hiên

Giám đốc Chi nhánh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 1117-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
UHY - CHI NHÁNH HẢI PHÒNG**

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

Nguyễn Đức Quỳnh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm
toán số: 1016-2022-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		111.969.133.085	74.175.644.922
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	477.446.508	822.590.706
1. Tiền	111		477.446.508	822.590.706
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	110.145.168.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		111.119.683.800	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(974.515.800)	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		162.165.000	59.977.030.133
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.323.520.916	15.135.230.734
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	126.061.000	1.626.061.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	-	43.985.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	-	518.155.315
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(1.287.416.916)	(1.287.416.916)
IV. Hàng tồn kho	140		-	12.066.971.706
1. Hàng tồn kho	141	11	-	12.066.971.706
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.184.353.577	1.309.052.377
1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	15	1.184.353.577	1.309.052.377
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.311.514.621	4.149.745.659
I. Tài sản cố định	220		2.403.351.413	3.105.869.831
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	2.403.351.413	3.105.869.831
- Nguyên giá	222		27.970.188.389	27.970.188.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(25.566.836.976)	(24.864.318.558)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		677.697.312	677.697.312
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(677.697.312)	(677.697.312)
II. Tài sản dài hạn khác	260		908.163.208	1.043.875.828
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	908.163.208	1.043.875.828
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		115.280.647.706	78.325.390.581

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		60.063.012.233	31.181.451.843
I. Nợ ngắn hạn	310		59.313.012.233	30.431.451.843
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	1.202.057.632	16.869.782.988
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		55.639.465	56.659.494
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	31.125.997	149.834.407
4. Phải trả người lao động	314		501.598.000	454.725.914
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	49.171.473
6. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	59.653.331	51.945.491
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	17	56.528.605.732	11.722.000.000
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		934.332.076	1.077.332.076
II. Nợ dài hạn	330		750.000.000	750.000.000
1. Phải trả dài hạn khác	337	16	750.000.000	750.000.000
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		55.217.635.473	47.143.938.738
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	55.217.635.473	47.143.938.738
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		52.000.000.000	52.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		52.000.000.000	52.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(2.696.860.498)	(2.696.860.498)
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		5.200.000.000	5.200.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(2.817.747)	(2.817.747)
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		717.313.718	(7.356.383.017)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm	421a		(7.356.383.017)	(14.248.422.827)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		8.073.696.735	6.892.039.810
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		115.280.647.706	78.325.390.581

Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu

Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		18.365.172.976	88.587.513.537
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	21	18.365.172.976	88.587.513.537
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	16.225.135.295	84.297.647.723
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20= 10-11)	20		2.140.037.681	4.289.865.814
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	11.296.831.667	8.822.067.676
7. Chi phí tài chính	22	24	1.760.376.314	1.691.726.480
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		617.820.866	1.597.870.464
8. Chi phí bán hàng	25	25	521.619.181	1.727.409.414
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	3.188.776.370	3.342.206.900
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.966.097.483	6.350.590.696
11. Thu nhập khác	31		109.087.437	553.659.640
12. Chi phí khác	32		1.488.185	12.210.526
13. Lợi nhuận khác	40	26	107.599.252	541.449.114
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.073.696.735	6.892.039.810
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	-	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.073.696.735	6.892.039.810
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	28	1.553	1.325



Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu



Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng



Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025


Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh	01		116.054.468.120	102.517.621.415
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch	02		(213.783.083.773)	(70.310.893.065)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(1.896.700.000)	(2.435.828.520)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(770.006.308)	(1.674.962.414)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.102.231.954	2.457.520.051
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(111.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(98.404.090.007)	30.553.457.467
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(160.180.000.000)	(82.493.000.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		204.165.000.000	53.808.000.000
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(44.600.000.000)	-
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		44.600.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		9.283.186.250	7.224.688.362
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		53.268.186.250	(21.460.311.638)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	17	104.516.992.840	53.950.568.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	17	(59.726.233.281)	(62.528.568.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		44.790.759.559	(8.578.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50		(345.144.198)	515.145.829
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	822.590.706	307.444.877
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70= 50+60)	70	4	477.446.508	822.590.706


Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểu


Nguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởng




Mạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc
Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập Đoàn Thành Thái là Công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0200412681 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2001 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp và thay đổi lần thứ 16 ngày 16/12/2023. Địa chỉ trụ sở công ty tại Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Máy Tơ, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng, nay là Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán là KKC.

Vốn Điều lệ theo Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 16 là: 52.000.000.000 đồng.

Số lượng công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2025 là 10 người (tại ngày 31/12/2024: 9 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống; Bán buôn kim loại và quặng kim loại; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; Tái chế phế liệu; Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt; cho thuê xe có động cơ; Hoạt động của các cơ sở thể thao; Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao; Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Hoàn thiện công trình xây dựng; Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác; Bán lẻ ô tô con; Đại lý ô tô và xe có động cơ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ; Bán mô tô, xe máy; Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy; Đại lý, môi giới, đấu giá bán hàng; Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy khác; Vận tải và đại lý vận tải hàng hóa thủy bộ; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động; Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác; Đại lý tua du lịch; dịch vụ đặt chỗ; Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại; Hoạt động vui chơi, giải trí.

Hoạt động chính của Công ty là: Kinh doanh sắt thép các loại.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập Báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm khấu hao</u>
Nhà cửa vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	05 – 15
Thiết bị quản lý	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao***Quyền sử dụng đất***

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất thuê trả tiền một lần cho toàn bộ thời gian thuê tại Hồng An, Hải Phòng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí trả trước khác thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Tiền thuê đất: Chi phí để có Quyền sử dụng 4.933,4 m² đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại Hồng An, Hải Phòng.

Các khoản chi phí trả trước khác: bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả (Tiếp theo)**

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu: Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần: Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu: Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ: Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Thuế (Tiếp theo)**

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý. Tất cả các giao dịch và số dư với các bên liên quan phát sinh năm 2025 được trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	10.157.068	24.652.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	467.289.440	797.938.539
Cộng	477.446.508	822.590.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<i>Cổ phiếu</i>						
VPB	18.049.500.000	17.661.168.000	-	-	-	-
VIX	64.687.500.000	65.628.660.000	941.160.000	-	-	-
EIB	27.796.500.000	27.829.855.800	33.355.800	-	-	-
Cộng	110.533.500.000	111.119.683.800	974.515.800	-	-	-

Toàn bộ số lượng cổ phiếu được ký quỹ bảo lãnh cho khoản vay Margin tại Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) như tại Thuyết minh số 17.

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu của khách hàng ngắn hạn</i>	1.323.520.916	15.135.230.734
Công ty TNHH Đầu tư TM và Dịch vụ Thịnh Tiến	-	13.811.758.818
Công ty CP thép Châu Phong	146.318.825	146.318.825
Doanh nghiệp tư nhân Phương Lưu	789.002.100	789.002.100
Đối tượng khác	388.199.991	388.150.991
Cộng	1.323.520.916	15.135.230.734

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Trả trước cho người bán ngắn hạn</i>	126.061.000	1.626.061.000
Công ty TNHH NDA Việt Nam	-	1.500.000.000
Các đối tượng khác	126.061.000	126.061.000
Cộng	126.061.000	1.626.061.000

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi được VND
<i>Ngắn hạn</i>	-	-	43.985.000.000	43.985.000.000
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding (1)	-	-	43.985.000.000	43.985.000.000
Cộng	-	-	43.985.000.000	43.985.000.000

Phải thu về cho vay là các bên liên quan

(Chi tiết xem tại thuyết minh 30)

(1) Phản ánh khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Thành Đức Holding vay theo hợp đồng số 2024-15/HĐVT/TT-TĐ ngày 01 tháng 11 năm 2024, lãi suất cho vay bằng với lãi suất cho vay của ngân hàng HD Bank tại thời điểm chuyển tiền. Tại ngày 31/12/2025, khoản tiền cho vay đã được thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09 -DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***9. PHẢI THU KHÁC**

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Phải thu ngắn hạn khác</i>	-	518.155.315
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	-	518.155.315
Cộng	-	518.155.315

*Phải thu khác với các bên liên quan**(Chi tiết xem tại thuyết minh 30)***10. NỢ XẤU**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Trích lập dự phòng VND	Giá gốc VND	Trích lập dự phòng VND
DN tư nhân Phương Lưu	789.002.100	(789.002.100)	789.002.100	(789.002.100)
Công ty cơ khí XDCT giao thông 121	110.876.177	(110.876.177)	110.876.177	(110.876.177)
Công ty CP thép Châu Phong	146.318.825	(146.318.825)	146.318.825	(146.318.825)
Các đối tượng khác	241.219.814	(241.219.814)	241.219.814	(241.219.814)
Cộng	1.287.416.916	(1.287.416.916)	1.287.416.916	(1.287.416.916)

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng hóa	-	-	12.066.971.706	-
Cộng	-	-	12.066.971.706	-

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
<i>Dài hạn</i>	<i>908.163.208</i>	<i>1.043.875.828</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	13.263.627
Chi phí để có quyền thuê đất (*)	908.163.208	1.030.612.201
Cộng	908.163.208	1.043.875.828

(*) Chi phí để có quyền sử dụng 4.933,4 m² đất thuê có thời hạn theo hình thức trả tiền hàng năm tại Hồng An, Hải Phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính.

13. TẶNG, GIÁM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc		Máy móc thiết bị		Phương tiện vận tải		Thiết bị quản lý		TSCĐ hữu hình khác		Cộng VND
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
NGUYÊN GIÁ											
Tại ngày đầu năm	16.053.783.099	4.636.602.637	7.042.894.665	33.445.455	203.462.533	27.970.188.389					
Phân loại	-	-	-	203.462.533	(203.462.533)	-					
Tại ngày cuối năm	16.053.783.099	4.636.602.637	7.042.894.665	236.907.988	-	27.970.188.389					
HAO MÒN LŨY KẾ											
Tại ngày đầu năm	13.050.616.090	4.583.264.275	7.042.894.665	33.445.455	154.098.073	24.864.318.558					
Khấu hao trong năm	621.524.052	53.338.362	-	-	27.656.004	702.518.418					
Phân loại	-	-	-	181.754.077	(181.754.077)	-					
Tại ngày cuối năm	13.672.140.142	4.636.602.637	7.042.894.665	215.199.532	-	25.566.836.976					
GIÁ TRỊ CÒN LẠI											
Tại ngày đầu năm	3.003.167.009	53.338.362	-	-	49.364.460	3.105.869.831					
Tại ngày cuối năm	2.381.642.957	-	-	21.708.456	-	2.403.351.413					

Nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2025 với giá trị 21.760.981.548 đồng (ngày 01/01/2025: 22.884.206.889 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một số tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.381.642.957 VND (ngày 01 tháng 01 năm 2025: 3.105.869.831 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Ngắn hạn	1.202.057.632	1.202.057.632	16.869.782.988	16.869.782.988
Công ty Cổ phần DP Invest	-	-	12.735.578.416	12.735.578.416
Công ty CP SX TM DV Thiết bị công nghiệp Phương Nam	874.024.488	874.024.488	3.804.024.488	3.804.024.488
Công ty Cổ phần Cơ khí Xây lắp Hóa chất	189.275.228	189.275.228	189.275.228	189.275.228
Công ty Cổ Phần Sông Hồng	138.757.916	138.757.916	138.757.916	138.757.916
Các đối tượng khác	-	-	2.146.940	2.146.940
Cộng	1.202.057.632	1.202.057.632	16.869.782.988	16.869.782.988

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/ thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
Phải thu	1.309.052.377	81.519.200	206.218.000	1.184.353.577
Thuế nhà đất	1.309.052.377	81.519.200	206.218.000	1.184.353.577
Phải nộp	149.834.407	1.422.687.873	1.541.396.283	31.125.997
Thuế GTGT	147.454.246	1.395.480.183	1.514.060.708	28.873.721
Thuế TNCN	2.380.161	23.207.690	23.335.575	2.252.276
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngắn hạn	59.653.331	51.945.491
-Kinh phí công đoàn	59.653.331	51.945.491
Dài hạn	750.000.000	750.000.000
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	750.000.000	750.000.000
Cộng	809.653.331	801.945.491

Ghi chú:

Nhận ký quỹ theo hợp đồng thuê đất số 2024-11/HĐKB/TT-ĐP, theo đó:

- Tổng diện tích cho thuê: 14.000 m²
- Thời gian thuê: từ 4/9/2024 đến hết 31/10/2030.
- Giá thuê: 250.000000 VND/tháng (chưa bao gồm thuế GTGT)

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI
Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

MẪU SỐ B 09 -DN
Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Số có khả năng				Số có khả năng	
	Giá trị	trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	11.722.000.000	11.722.000.000	104.532.839.013	59.726.233.281	56.528.605.732	56.528.605.732
Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (1)	-	-	90.844.376.380	35.415.770.648	55.428.605.732	55.428.605.732
Ngân hàng TMCP phát triển TP. HCM (2)	11.722.000.000	11.722.000.000	13.688.462.633	24.310.462.633	1.100.000.000	1.100.000.000
Cộng	11.722.000.000	11.722.000.000	104.532.839.013	59.726.233.281	56.528.605.732	56.528.605.732

(1) Vay ký quỹ chứng khoán Công ty CP chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam), khoản vay được ký quỹ bởi toàn bộ cổ phiếu kinh doanh Công ty đang nắm giữ tại thuyết minh số 5.

(2) Vay Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 32377/24MB/HĐTD ngày 25/12/2024 với tổng hạn mức là 25 tỷ đồng trong vòng 12 tháng, thời hạn trả nợ theo giấy nhận nợ cụ thể, mục đích vay dùng bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép; Số tiền vay, lãi suất, kỳ hạn theo giấy nhận nợ cụ thể; Khoản vay được bảo lãnh bởi Công ty Cổ phần tập đoàn T&D Group và tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất tại xã An Hồng, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tại thuyết minh số 13.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁI
Số 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng

MẪU SỐ B 09 -DN

Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số đầu năm trước	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	1.301.511.824	(14.248.422.827)	41.553.410.752
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	6.892.039.810	6.892.039.810
Giảm khác	-	-	-	-	(1.301.511.824)	-	(1.301.511.824)
Số đầu năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	-	(7.356.383.017)	47.143.938.738
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	8.073.696.735	8.073.696.735
Số cuối năm nay	52.000.000.000	5.200.000.000	(2.696.860.498)	(2.817.747)	-	717.313.718	55.217.635.473

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)***Vốn điều lệ*

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hiện hành, vốn điều lệ của công ty là 52.000.000.000 đồng.

Danh sách cổ đông lớn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty CP Tập đoàn T&D Group	44.553.690.000	85,68	44.553.690.000	85,68
Cổ đông khác	7.446.310.000	14,32	7.446.310.000	14,32
Cộng	52.000.000.000	100	52.000.000.000	100

Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	52.000.000.000	52.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	52.000.000.000	52.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

Cổ phiếu

	Số cuối năm (Cổ phiếu)	Số đầu năm (Cổ phiếu)
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.200.000	5.200.000
- Số lượng cổ phiếu phổ thông	5.200.000	5.200.000
Số lượng cổ phiếu quỹ	184	184
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.199.816	5.199.816
- Cổ phiếu phổ thông	5.199.816	5.199.816
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

19. KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ (USD)	-	599,66

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***20. BÁO CÁO BỘ PHẬN****Báo cáo bộ phận chính yếu:**

Theo lĩnh vực kinh doanh, trong đó doanh thu bán hàng hóa là doanh thu liên quan đến hàng thương mại các mặt hàng sắt, thép là hoạt động chính; hoạt động cho thuê kho bãi là hoạt động thứ yếu.

Năm nay:

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại	14.584.659.357	16.225.135.295	(1.640.475.938)
Hoạt động khác	3.780.513.619	-	3.780.513.619
Cộng	18.365.172.976	16.225.135.295	2.140.037.681

Năm trước

Chỉ tiêu	Doanh thu VND	Giá vốn VND	Lãi gộp VND
Kinh doanh thương mại sắt, thép	85.637.319.564	84.297.647.723	1.339.671.841
Hoạt động khác	2.950.193.973	-	2.950.193.973
Cộng	88.587.513.537	84.297.647.723	4.289.865.814

Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do Công ty hoạt động chính tại địa bàn Hải Phòng.

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ trong năm</i>	<i>18.365.172.976</i>	<i>88.587.513.537</i>
Doanh thu thương mại	14.584.659.357	85.637.319.564
Doanh thu hoạt động cho thuê bãi	3.780.513.619	2.950.193.973
<i>Các khoản giảm trừ</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Doanh thu thuần	18.365.172.976	88.587.513.537

22. GIÁ VỐN

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa, dịch vụ	16.225.135.295	84.297.647.723
Cộng	16.225.135.295	84.297.647.723

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	2.532.911.024	3.113.155.121
Lãi từ bán chứng khoán	8.762.229.000	5.706.432.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.691.643	2.480.555
Cộng	11.296.831.667	8.822.067.676

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	617.820.866	1.597.870.464
Dự phòng giảm giá chứng khoán	974.515.800	-
Chi phí kinh doanh chứng khoán	167.987.997	93.856.016
Lỗ chênh lệch tỷ giá	51.651	-
Cộng	1.760.376.314	1.691.726.480

25. CHI PHÍ BÁN HÀNG, CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>521.619.181</i>	<i>1.727.409.414</i>
Chi phí nhân viên	-	988.545.639
Chi phí khấu hao TSCĐ	271.411.590	317.453.226
Chi phí dịch vụ mua ngoài	250.207.591	372.417.549
Các khoản chi phí QLDN khác	-	48.993.000
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>3.188.776.370</i>	<i>3.342.206.900</i>
Chi phí nhân viên	2.372.048.361	2.301.474.272
Chi phí khấu hao TSCĐ	431.106.828	431.106.828
Thuế, phí và lệ phí	210.218.000	140.359.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	172.403.181	457.146.250
Chi phí khác	3.000.000	12.120.000

26. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thu nhập khác</i>	<i>109.087.437</i>	<i>553.659.640</i>
Thu từ bồi thường	-	307.822.329
Lãi trả chậm	-	199.879.184
Các khoản khác	109.087.437	45.958.127
<i>Chi phí khác</i>	<i>1.488.185</i>	<i>12.210.526</i>
Các khoản chi phí khác	1.488.185	12.210.526
Lợi nhuận khác	107.599.252	541.449.114

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại</i>		
Lợi nhuận trước thuế	8.073.696.735	6.892.039.810
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(8.073.696.735)	(6.892.039.810)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	1.488.185	12.210.526
<i>Chi phí không hợp lệ</i>	<i>1.488.185</i>	<i>12.210.526</i>
Trừ: Chuyển lỗ	(6.708.307.141)	(6.826.960.972)
Trừ: Lãi vay kỳ trước tính trong năm nay	(1.366.877.779)	(77.289.364)
Thu nhập chịu thuế	-	-
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-

Công ty có các khoản lỗ tính thuế phát sinh từ năm 2022 là 28.508.623.675 đồng (tại 31/12/2025 là 13.519.444.891 đồng) được chuyển sang để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai trong vòng 05 năm liên tục kể từ năm tiếp theo sau năm phát sinh lỗ.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trong tương lai vì không có thông tin và Ban Giám đốc đánh giá khả năng Công ty sử dụng những khoản lỗ tính thuế này được đánh giá hiện tại là không chắc chắn.

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	8.073.696.735	6.892.039.810
<i>Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông	8.073.696.735	6.892.039.810
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	5.199.816	5.199.816
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.553	1.325

Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm 2025 chưa bị điều chỉnh bởi các khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2025 do chưa có thông tin.

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nhân công	2.372.048.361	3.290.019.911
Chi phí khấu hao tài sản cố định	702.518.418	748.560.054
Thuế, phí, lệ phí	210.218.000	140.359.550
Chi phí dịch vụ mua ngoài	422.610.772	829.563.799
Chi phí khác	3.000.000	61.113.000
Cộng	3.710.395.551	5.069.616.314

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH THÁISố 6 đường Nguyễn Trãi, Phường Ngô Quyền,
Thành phố Hải Phòng**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN***Bên liên quan:*

	Bản chất bên liên quan
Công ty Cổ phần tập đoàn T&D	Cổ đông lớn (Bà Đoàn Thị Tơ - Chủ tịch)
Công ty Cổ phần Thành Đức Holding	Bà Đoàn Thị Tơ và người có liên quan (Cổ đông lớn)
Thành viên HĐQT, Ban Giám đốc, người thân của các thành viên Ban lãnh đạo	Ban lãnh đạo

Giao dịch với các bên liên quan:

Trong năm, Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công ty CP Thành Đức Holding		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	-	1.402.896.000
Thu tiền bán hàng	-	11.097.716.473
Cho vay ngắn hạn	160.180.000.000	82.493.000.000
Thu nợ vay	204.165.000.000	53.808.000.000
Lãi tiền vay	2.531.792.699	3.652.088.976
Thu tiền lãi vay	3.049.948.014	4.648.764.139
Công ty cổ phần tập đoàn T&D		
Phải thu tiền bán hàng (bao gồm VAT)	-	340.936.530
Thu tiền bán hàng	-	8.843.250.618
Bà Phạm Thị Minh Yến		
Vay ngắn hạn	-	900.000.000
Trả tiền vay	-	900.000.000

Số dư với các bên liên quan:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty CP Thành Đức Holding		
Phải thu tiền cho vay	-	43.985.000.000
Lãi vay phải thu	-	518.155.315

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính***30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)***Các khoản lương, thưởng của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bà Trịnh Thanh Nhân - Thành viên HĐQT	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Bá Chính- Chủ tịch	324.600.000	378.700.000
Bà Mạc Thị Nhung - Tổng Giám đốc	361.389.593	420.473.433
Bà Vũ Thị Hồng Liên - Trưởng Ban KS	191.835.882	224.044.707
Bà Nguyễn Thị Hải Yến- Kế toán trưởng	50.000.000	305.768.849
Ông Đào Văn Tiến - Ban kiểm soát	187.016.663	-
Bà Phạm Khánh Chi - Ban kiểm soát	24.000.000	-

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán.

Nguyễn Thị Hải Yến
Người lập biểuNguyễn Thị Hải Yến
Kế toán trưởngMạc Thị Nhung
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 15 tháng 01 năm 2026

